

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2019/HSPT
Ngày 09 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến

Ông Tạ Văn Thành

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên toà: ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 01 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P, đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 87/2018/HSPT ngày 12 tháng 12 năm 2018 do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn K và người bị hại chị Hồ Thị Tố L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HSST ngày 18/11/2018 của TAND huyện Y, tỉnh P.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Trần Văn K - Sinh năm: 1980. Tên gọi khác: Không có. HKTT: Xóm Vai, xã Tam Thanh, huyện Tân Sơn, tỉnh P.

Chỗ ở trước khi bị bắt: Khu Đ, xã Thục L, huyện Y, tỉnh P. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đại L (Đã chết) và bà Hoàng Thị T; vợ Hà Thị V, Sinh năm 1982 (Đã ly hôn). Con: Có 3 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ 12/02/2018, hiện đang tạm giam tại trại giam C an tỉnh P. (Có mặt).

Bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị: **Phạm Văn C** - Sinh năm 1989.

Tên gọi khác: Không có. Hộ khẩu thường trú: Phố H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt C Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị Ng; Vợ Trần Thị N; Con: có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại, hiện bị cáo đang thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P.

Người bị hại có kháng cáo: bà Hồ Thị Tố L - 1989

ĐKKHKT: tổ 1, phố Vàng, TT Y, huyện Y, tỉnh P (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn K làm nghề lái xe taxi, khoảng đầu tháng 11 năm 2017, K đến cửa hàng photo của Phạm Văn C tại Phố Hoàng Sơn, thị trấn Y nhờ C in card quảng cáo xe taxi và photo chứng minh thư nhân dân của K. K biết C có thể photo in màu nên đã hỏi C có làm giống hệt chứng minh thư của K được không, C bảo làm được với giá là 100.000đ. Ngày 15/11/2017 K đến gặp C yêu cầu C làm cho K 02 giấy chứng minh thư nhân dân số 132229855 mang tên của Trần Văn K sinh ngày 20/8/1980. Trong đó một bản có hộ khẩu tại xã Võ Miếu, Y, P cấp ngày 21/12/2015, một bản có hộ khẩu tại xã Thục Luyện, Y, P cấp ngày 21/12/2006. Sau khi làm xong C sử dụng máy ép Plastic để ép lại giống như thật. Tổng cộng C đã làm cho K 04 giấy chứng minh thư, sau khi làm xong K trả cho C 100.000đ. K nhận thấy có thể làm giả các loại giấy tờ đăng ký xe để đem đi cầm cố, vay nợ lấy tiền tiêu sài. Trong thời gian này K mượn của chị Trần Thị Bình D, sinh năm 1994 có hộ khẩu thường trú tại xóm Cát, xã Võ Miếu, huyện Y, tỉnh P 01 xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 19C1-231.43 để làm phương tiện đi lại. Do xe của chị D mua trả góp nên chỉ có bản photo giấy đăng ký, chị D để tại cốp xe. Ngày 18/11/2017 K đã đưa bản photo giấy đăng ký xe mô tô BKS 19 C1-321.34 cho C và nhờ C làm giả đăng ký xe này mang tên Trần Văn K.

Ngày 20/11/2017 K ký hợp đồng lái Taxi với chi nhánh C ty TNHH Thịnh Hưng tại P và được C ty giao xe ô tô loại Vios, cùng bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe số 390809, do C an Thành phố Hà Nội cấp cho xe ô tô BKS 30E-502.83. Thời gian hợp đồng là 03 tháng từ ngày 20/11/2017.

Vào khoảng cuối tháng 11 năm 2017, K đến gặp C và nhờ C làm giả hai bộ giấy tờ đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, BKS 29K-8887 và xe ô tô nhãn hiệu Vios BKS 30E - 502.83 đều mang tên Nguyễn Thái Dũng, địa chỉ Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội. Sau khi làm giả chứng minh thư và các giấy tờ trên, Trần Văn K đã mang tài sản, giấy tờ đến cầm cố, thế chấp cho các hiệu cầm đồ 28 do ông Trần Kim Liên là người đại diện và hiệu cầm đồ của bà Hồ Thị Tố L như sau:

Tại hiệu cầm đồ số 28 địa chỉ tại khu Ba Mỏ, TT Y, huyện Y:

Ngày 20/11/2017 K đi xe mô tô BKS 19C1 - 321.34 đến hiệu cầm đồ số 28 địa chỉ tại khu Ba Mỏ, TT Y, huyện Y cầm cố cho anh Trần Kim L lấy 12.000.000đ. Sau khi để lại đăng ký xe giả mang tên K, viết giấy vay nợ, nhận tiền K làm hợp đồng thuê lại xe và đi về. Sau hai hôm K đến vay thêm 22.000.000đ và viết giấy bán xe và vẫn mượn lại xe để sử dụng.

Ngày 30/11/2017 K mang xe và giấy tờ, đăng ký và giấy kiểm định giả của xe ô tô BKS 29K - 8887 đến hiệu cầm đồ 28 cầm cố vay số tiền 28.000.000đ. Sau khi để lại giấy tờ, đăng ký, viết giấy vay nợ, nhận tiền K làm hợp đồng thuê lại xe và đi xe ô tô về.

Ngày 28/01/2018 K mang chứng minh thư nhân dân, xe ô tô, giấy đăng ký và giấy kiểm định giả của xe ô tô BKS 30E - 502.83 đến hiệu cầm đồ 28 cầm cố vay số tiền 300.000.000đ.

Như vậy tổng số tiền K vay của hiệu cầm đồ 28 là 362.000.000đ, đến ngày 08/02/2018 K trả được cho hiệu cầm đồ 28 số tiền 100.0000.000đ.

Tại hiệu cầm đồ của bà Hồ Thị Tố L, địa chỉ: Phố Vàng, thị trấn Y, huyện Y: Ngày 20/12/2017 K mang xe và giấy đăng ký, giấy kiểm định giả của xe ô tô BKS 29K - 8887 đến hiệu cầm đồ của bà L cầm cố vay số tiền 35.000.000đ.

Ngày 01/01/2018 K mang theo xe mô tô BKS 19C1 - 321.34 đến hiệu cầm đồ bà L cầm cố lấy 15.000.000đ. Sau khi để lại đăng ký xe giả mang tên K, viết giấy vay nợ, nhận tiền K làm hợp đồng thuê lại xe và đi về.

Ngày 02/01/2018 K mang chứng minh thư nhân dân, xe ô tô, giấy đăng ký và giấy kiểm định giả của xe ô tô BKS 30E - 502.83 đến hiệu cầm đồ bà L cầm cố vay số tiền 82.000.000đ. Sau khi để lại giấy tờ, đăng ký, viết giấy vay nợ, nhận tiền K làm hợp đồng thuê lại xe và đem xe ô tô về.

Như vậy tổng số tiền K vay của bà Hồ Thị Tố L là 132.000.000đ.

Ngày 31/01/2018 C ty TNHH Thịnh Hưng chi nhánh P đã phát hiện K có hành vi làm giả giấy tờ xe ô tô BKS 30E - 502.83 đem xe đi cầm cố, đại diện C ty có đơn đề nghị cơ quan CSĐT C an huyện Y làm rõ hành vi của K, giúp C ty thu hồi tài sản. Ngày 01 và 02/02/2018 bà Hồ Thị Tố L và ông Trần Kim Liên là đại diện hiệu cầm đồ 28 có đơn tố cáo Trần Văn K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời giao nộp toàn bộ giấy tờ, tài sản K cầm cố cho cơ quan điều tra C an huyện Y.

Cơ quan CSĐT C an huyện Y đã khám xét khẩn cấp nơi ở của K và thu giữ 02 CMTND mang tên Trần Văn K. Khám xét nơi ở của Phạm Văn C thu giữ toàn bộ máy móc, phương tiện, nguyên liệu để C làm giấy tờ giả, và 1.600.000đ.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi làm giấy tờ giả và sử dụng giấy tờ giả cùng tài sản để vay nợ, cầm cố lấy tiền như nội dung trên. K khai mục đích làm giả các loại giấy tờ để đến các hiệu cầm đồ, lừa vay tiền nhằm mục đích sử dụng cho các nhu cầu cá nhân. Đối với chiếc xe mô tô BKS 19 C1-231.34 do K mượn của chị Trần Thị Bình D, sau khi sử dụng để cầm cố vay tiền, K đã mang chiếc xe trên trả lại cho chị D.

Tại cơ quan điều tra Phạm Văn C khai nhận: Bản thân C làm nghề photo, khi K đến gặp C và nhờ C làm giả chứng minh thư nhân dân và các giấy tờ đăng ký xe, giấy kiểm định của xe ô tô giả. C nhận thức được việc làm đó là vi phạm pháp luật, biết K sẽ sử dụng các giấy tờ này để vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi nên C vẫn thực hiện. C khai trong thời gian tháng 11/2017, C đã 03 lần làm giả các loại giấy tờ cho K gồm: 04 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Văn K, 02 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS 19 C1-231.34, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 30E-502.83, 02 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô BKS 30E-502.83, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 29K-8887; 02 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô 29K-8887. Như vậy Phạm Văn C đã làm giả 13 loại giấy tờ cho Trần Văn K.

Về cách thức làm giả các loại giấy tờ Phạm Văn C khai nhận: Khi K cung cấp chứng minh thư gốc, bản photo đăng ký xe, giấy kiểm định, C sẽ sử dụng máy quét để quét hai mặt của giấy tờ vào máy vi tính, khi có hình ảnh trên máy tính, C sử dụng phần mềm Photoshop để chỉnh sửa, xóa chữ cũ, chèn chữ mới vào. Sau

khi chỉnh sửa nội dung, kích thước giấy tờ giống như kích thước của bản chính, C sử dụng máy in màu in ra và dùng máy ép Plastic ép lại, khi hoàn thiện đưa cho K.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48/2018/HSST ngày 08/11/2018 của TAND huyện Y, tỉnh P đã: Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/02/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt đối với Bị cáo Phạm Văn C và tuyên về phần dân sự, án phí, xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/11/2018, Người bị hại là chị Hồ Thị Tố L có đơn kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn K.

Ngày 21/11/2018, bị cáo Trần Văn K có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị L và bị cáo K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P có quan điểm: Đơn kháng cáo của người bị hại là chị L và bị cáo Trần Văn K đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo của người bị hại và bị cáo K xét thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm bị cáo K không có tình tiết giảm nhẹ mới, và đề nghị của chị L không có cơ sở nên đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Trần Văn K của chị Hồ Thị Tố L trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo Trần Văn K thực hiện hành vi phạm tội vào trước và sau khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực. Hình phạt áp dụng đối với loại tội phạm này và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi so với Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo là đúng quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn K, và đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn K của chị Hồ Thị Tố L Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, Trần Văn K với mục đích có tiền tiêu sài đã sử dụng giấy tờ giả gồm: Chứng minh thư nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký ô tô, xe máy, giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô để tạo niềm tin của chị Hồ Thị Tố L, anh Trần Kim Liên chiếm đoạt được tổng số tiền là 494.000.000đ lấy tiền tiêu sài. Hành vi của Trần Văn K đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm

trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo K đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, quá trình điều tra đã tự nguyện bồi thường một phần tài sản để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra, ngoài ra ông ngoại bị cáo là người có C trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và có 02 tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất vụ án, hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo K 1 hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian là phù hợp các quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo K của chị Hồ Thị Tố L không có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người bị hại chị Hồ Thị Tố L và bị cáo Trần Văn K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2018/HSST ngày 8/11/2018 của TAND huyện Y, tỉnh P

[2] Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 10/02/2018.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn K.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điểm h Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CA, TA, VKS, THADS huyện Y;
- PV 27 CA tỉnh PT;
- TB UBND xã V;
- Bị cáo;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương